TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
Về việc tranh chấp ly hôn nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 27 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim S, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lưu Minh T, sinh năm 1993 Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/07/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trương Thị Kim S trình bày:

Tôi và anh Lưu Minh T tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã M,

huyện U tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/5/2013, quá trình chung sống được khoảng 15 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây sự, cự cãi nhau, đến tháng 06 năm 2024 chúng tôi sống ly thân cho đến nay. Tôi xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Lưu Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 04 con chung.

1/ Lưu Thị Cẩm N, sinh ngày 15/10/2011.

2/ Lưu Trọng K, sinh ngày 01/7/2013.

3/ Lưu Thị Bảo N1, sinh ngày 15/12/2018.

4/ Lưu Thị Huỳnh H, sinh ngày 11/6/2021 Hiện nay 04 con chung đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi 04 con chung yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Anh Lưu Minh T không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trương Thị Kim S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Lưu Minh T. Đây là tranh chấp việc ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Anh Lưu Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn anh Lưu Minh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLHS 2015.

[3]. *Về hôn nhân:* Anh Lưu Minh T và chị Trương Thị Kim S tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, được cha, mẹ hai bên thống nhất có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2013 tại UBND xã M, huyện U tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 06/2024 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo chị S cho rằng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây sự, cự cãi nhau, quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, vẫn đến tình

cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị S là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải tạo điều kiện góp ý trao đổi, sửa chữa sai lầm khuyết điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con chung, nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho chị S được ly hôn với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Chị S và anh T có 04 con chung:

1/ Lưu Thị Cẩm N, sinh ngày 15/10/2011.(giới tính nữ)

2/ Lưu Trọng K, sinh ngày 01/7/2013. (giới tính nam)

3/ Lưu Thị Bảo N1, sinh ngày 15/12/2018. (giới tính nữ)

4/ Lưu Thị Huỳnh H, sinh ngày 11/6/2021 (giới tính nữ). Chị S yêu cầu tiếp tục nuôi 04 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy để cho chị S tiếp tục nuôi 04 con chung là có cơ sở vì từ khi ly thân đến nay chị trực tiếp nuôi 04 con chung, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ cháu là phù hợp với Điều 81,82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nợ: Theo chị S, vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh, chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán – Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trương Thị Kim S được ly hôn với anh Lưu Minh T, về con chung: Tiếp tục giao 04 con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. tài sản chung, nợ: không có, không xem xét giải quyết. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị S được khấu trừ án phí tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000577 ngày 05/07/2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị S không phải nộp thêm. Anh T phải nộp 300.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, 81,82,116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Kim S.

1 Cho chị Trương Thị Kim S được ly hôn với anh Lưu Minh T

2**.** Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Trương Thị Kim S nuôi dưỡng 04 con chung gồm: 1/ Lưu Thị Cẩm N, sinh ngày 15/10/2011.(giới tính nữ)

2/ Lưu Trọng K, sinh ngày 01/7/2013. (giới tính nam)

3/ Lưu Thị Bảo N1, sinh ngày 15/12/2018. (giới tính nữ)

4/ Lưu Thị Huỳnh H, sinh ngày 11/6/2021 (giới tính nữ).

Anh Lưu Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con chung, mỗi con chung một tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngày cấp dưỡng lần đầu là ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ: Theo chị S vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh, chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nào có tranh chấp về tài sản, nợ, thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4**.** *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trương Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị S được khấu trừ án phí tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000577 ngày 05/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị S không phải nộp thêm. Anh Lưu Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho chị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (Niêm yết) bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát N2;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn L

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát N2;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hổ Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi